

CHƯƠNG THỨ HAI

THẾ THỨ THỜI BẮC THUỘC (179 trước công nguyên đến 905)

I - TIỂU DẪN

1 - Trước hết, chúng tôi coi năm 179 trước công nguyên là năm mở đầu và năm 905 là năm kết thúc của thời kì Bắc thuộc. Trong khoảng thời gian hơn một ngàn năm đó, cũng có lúc nhân dân ta đã giành được độc lập, nhưng đó chỉ là nền độc lập rất yếu ớt và tạm thời, cho nên, toàn bộ khung thời gian từ năm 179 trước công nguyên đến năm 905 đều thuộc về thời Bắc thuộc.

2 - Xét chính quyền đô hộ của các triều đại phong kiến Trung Quốc, chúng tôi thấy có sự khác biệt giữa danh nghĩa và thực chất. Về danh nghĩa, mỗi quan đô hộ đều nhận phẩm tước của một triều đại cụ thể nào đấy, nhưng về thực chất, có những quan đô hộ làm việc cho hai triều đại khác nhau, lại cũng có những quan đô hộ âm thầm xây dựng cho mình cả một hệ thống chính quyền cát cứ riêng. Nhiều nhà nghiên cứu gọi đó là *lực li tâm chính trị*. Bởi thực tế đó, bảng thế thứ thời Bắc thuộc chỉ có một ý nghĩa rất tương đối mà thôi.

3 - Về danh mục các quan đô hộ của các triều, sử cũ chép không rõ ràng, đó là chưa nói có sự sai biệt lẫn nhau. Có những quan, tiếng là đô hộ toàn cõi nước ta nhưng thực thì họ chưa từng tới nước ta. Có những quan, tiếng là đô hộ trong phạm vi một quận, nhưng thực thì quyền hành của họ gần như tỏa rộng khắp toàn cõi.

Trước tình hình đó, chúng tôi chép ra đây tất cả những quan đô hộ nào được sử cũ nhắc tới, không phân biệt đó là thứ sử hay thái thú.

4 - Sách này trình bày thế thứ các triều vua Việt Nam, do vậy, phần thế thứ thời Bắc thuộc, chúng tôi trình bày lướt qua, cốt để cung cấp một ý niệm ban đầu hơn là cung cấp những tư liệu lịch sử đầy đủ về thời Bắc thuộc.

II - THẾ THỨ CHÍNH QUYỀN ĐÔ HỘ CỦA NAM VIỆT

Năm 208 trước công nguyên, nhân nhà Tần sụp đổ, một viên tướng trong đạo quân nam chinh của nhà Tần là Triệu Đà đã chiếm cứ vùng Lĩnh Nam (Trung Quốc) và lập ra nước Nam Việt. Ngay khi vừa mới lên ngôi, Triệu Đà đã nhiều lần xua quân sang tấn công xâm lược Âu Lạc. Nhưng, tất cả những cuộc tấn công đó đều bị quân đội của An Dương Vương đẩy lùi. Sau, Triệu Đà dùng kế hôn nhân, cho con trai là Trọng Thủy lấy con gái của An Dương Vương là My Châu và cho Trọng Thủy ở rể tại Âu Lạc. Từ đó, An Dương Vương mất cảnh giác, rốt cuộc, bị Triệu Đà bất ngờ đánh bại và cướp nước kể từ năm 179 trước công nguyên.

1 - TRIỆU VỮ ĐẾ (208 đến 137 trước công nguyên)

- Họ, tên : Triệu Đà.
- Nguyên quán : Chân Định (Hà Bắc, Trung Quốc).
- Thống trị nước ta 42 năm (từ năm 179 đến năm 137 trước công nguyên)
- Mất năm Giáp Thìn (137 trước công nguyên), thọ 120 tuổi⁽¹⁾
- Không thấy sử chép việc Triệu Đà đặt niên hiệu.

2 - TRIỆU VĂN VƯƠNG (136 đến 125 trước công nguyên)

- Họ, tên : Triệu Hồ (con của Trọng Thủy, cháu nội của Triệu Đà.)
- Lên ngôi năm Ất Tị (136 trước công nguyên).

(1) Tuổi thọ của Triệu Đà thật đáng nghi ngờ, nhưng hiện tại, chúng ta chưa có tài liệu đáng tin cậy nào để kiểm tra lại.

- Ở ngôi (và thống trị nước ta) 11 năm, từ năm 136 đến năm 125 trước công nguyên.
- Mất năm Bính Thìn (125 trước công nguyên), thọ 51 tuổi.
- Không thấy sử chép việc Triệu Hồ đặt niên hiệu.

3 – TRIỆU MINH VƯƠNG (124 đến 113 trước công nguyên)

- Họ, tên : Triệu Anh Tê (con trưởng của Triệu Hồ).
- Ở ngôi (và thống trị nước ta) 11 năm, từ năm 124 đến năm 113 trước công nguyên.
- Mất năm Mậu Thìn (113 trước công nguyên).
- Không thấy sử chép việc Triệu Anh Tê đặt niên hiệu.

4 – TRIỆU AI VƯƠNG (112 trước công nguyên)

- Họ, tên : Triệu Hưng (con thứ của Triệu Anh Tê).
- Ở ngôi (và thống trị nước ta) năm Kỉ Tị (112 trước công nguyên)
- Chết vì bị quan tể tướng là Lữ Gia giết.

5 – THUẬT DƯƠNG VƯƠNG (111 trước công nguyên)

- Họ, tên : Triệu Kiến Đức (con trưởng của Triệu Anh Tê, anh của Triệu Hưng, mẹ là người Việt nhưng không rõ họ tên)
- Ở ngôi (và thống trị nước ta) năm Canh Ngọ (111 trước công nguyên)
- Bị nhà Tây Hán đánh đổ năm 111 trước công nguyên, sau sống chết thế nào không rõ.
- Không thấy sử chép việc Triệu Kiến Đức đặt niên hiệu.

III – THẾ THỨ CHÍNH QUYỀN ĐÔ HỘ THỜI LƯƠNG HÁN

1 – Vài nét về lãnh thổ và dân cư của nước nhà thời bị nhà Hán đô hộ

Thời cổ đại, Trung Quốc có đến hai triều Hán khác nhau. Một là Tiên Hán (hay Tây Hán), khởi đầu là Lưu Bang (Hán Cao Tổ) tôn

tại từ năm 206 trước công nguyên đến năm thứ 8 sau công nguyên. Hai là Hậu Hán (hay Đông Hán), khởi đầu là Lưu Tú (Hán Quang Võ) tồn tại từ năm thứ 25 đến năm 220 sau công nguyên. Giữa hai triều Tây và Đông Hán là triều Tân (từ năm thứ 8 đến năm thứ 25 sau công nguyên). Do dấu ấn của nhà Tân rất mờ nhạt, các nhà nghiên cứu thường gọi chung toàn bộ khoảng thời gian lịch sử từ năm 208 trước công nguyên đến năm 220 sau công nguyên là thời lưỡng Hán.

Nội thân lịch sử Trung Quốc thời lưỡng Hán có rất nhiều biến cố lớn nhỏ khác nhau, nhưng đối với nước ta, mưu đồ chung của chủ nghĩa bành trướng đại Hán vẫn không hề thay đổi.

Tây Hán cũng như Đông Hán đều coi nước ta là một bộ phận lãnh thổ của Trung Quốc và chia nước ta làm ba quận : Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam. Sau đây là vài con số về dân cư của nước ta theo thống kê của sử sách Trung Quốc.

a – Dân số nước ta thời Tây Hán (theo *Tiền Hán thư*)

Tên quận	Tổng số hộ	Tổng số dân
Giao Chỉ	92.440 hộ	746.237 người
Cửu Chân	35.742 hộ	166.113 người
Nhật Nam	15.460 hộ	69.485 người

b – Dân số nước ta thời Đông Hán (theo *Hậu Hán thư*)

Tên quận	Tổng số hộ	Tổng số dân
Giao Chỉ	Không thấy chép	
Cửu Chân	46.513 hộ	209.894 người
Nhật Nam	18.263 hộ	100.676 người

Con số thống kê trên đây tất nhiên là không đầy đủ, bởi lẽ chính quyền đô hộ phải tiến hành điều tra dân số trong điều kiện nhân dân ta liên tục nổi dậy đấu tranh dưới nhiều hình thức và quy mô khác nhau.

Có lẽ vào đầu công nguyên, dân số nước ta áng chừng hơn một triệu người.

2 - Danh sách quan đô hộ của Trung Quốc ở nước ta thời lưỡng Hán

Ba bộ sử cổ nhất của nước ta có chép danh sách quan đô hộ của Trung Quốc ở nước ta là *An Nam chí lược* (quyển 7), *Đại Việt sử lược* (quyển 1) và *Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kí, quyển 3, 1 và 5). Trong ba bộ sử nói trên, *An Nam chí lược* là bộ ghi chép nhiều hơn cả. Dưới đây là danh sách tổng hợp từ ba bộ sử nói trên:

01 - Thạch Đới	20 - Ngô Thức
02 - Chu Chương	21 - Ngụy Lãng (?)
03 - Ngụy Lãng	22 - Chúc Diễm
04 - Đặng Huân	23 - Cát Kỳ
05 - Ích Cư Xương	24 - Đinh Cung
06 - Đặng Nhượng	25 - Ngu Thiệu
07 - Tích Quang	26 - Lưu Tháo
08 - Nhâm Diên	27 - Chu Ngung
09 - Tô Định	28 - Chu Tuấn
10 - Mã Viện	29 - Giả Tông
11 - Lý Thiện	30 - Chu Thặng
12 - Trương Khôi	31 - Kiến Lan
13 - Hồ Cống	32 - Lại Tiên
14 - Phàn Diễn	33 - Hoàng Cái
15 - Trương Kiều	34 - Đàm Mạnh
16 - Chúc Lương	35 - Chu Phù
17 - Chu Xương	36 - Trương Tân
18 - Hạ Phương	37 - Lại Cung
19 - Dương Phò	38 - Ky Vô Hạp

39 - Chu Trị

41 - Sý Huy

40 - Sý Nhiếp

42 - Trần Thời

Trong danh sách 42 quan đô hộ nói trên, có Ngụy Lăng thấy chép hai lần, trước sau cách nhau gần hai trăm năm, có thể là do tình cờ trùng tên chẳng ? Rất tiếc là sử Trung Quốc chép việc này cũng rất tản mạn, khó kiểm chứng một cách chính xác. Cũng cần nói thêm rằng, danh sách trên vừa có cả thứ sử lẫn thái thú. Thứ sử là chức trông coi cả ba quận, danh tuy lớn mà quyền lực thực tế lại không bao nhiêu. Ngược lại, thái thú là quan coi một quận, nhưng quyền hành rất lớn, đôi khi còn vượt ra khỏi phạm vi của quận. Ngoài ra, cũng có quan đô hộ tiếng là được sang cai trị nước ta, nhưng vì nhiều lí do khác nhau, chúng chưa hề đặt chân lên đất nước ta. Một lần nữa, chúng tôi xin được lưu ý rằng, danh sách này chỉ có ý nghĩa hết sức tương đối mà thôi.

IV - THẾ THỨ CHÍNH QUYỀN ĐÔ HỘ CỦA PHONG KIẾN TRUNG QUỐC THỜI THUỘC NGÔ

1 - Nhà Ngô thay nhà Hán thống trị nước ta

Cuối thế kỉ thứ II, nhà Đông Hán sụp đổ, Trung Quốc bước vào thời kì hỗn chiến rất tương tàn, sử gọi đó là thời *Tam Quốc*. Trong thời hỗn chiến *Tam Quốc* (Ngô, Thục và Ngụy) nhà Ngô thống trị nước ta. Nhà Ngô đổi gọi nước ta là Giao Châu và trên danh nghĩa, chính quyền đô hộ của nhà Ngô kéo dài từ năm 220 đến năm 280.

Theo quy luật tăng trưởng tự nhiên, dân số nước ta thời thuộc Ngô đông hơn thời thuộc Hán, nhưng đó chỉ là suy luận. Tài liệu quan trọng nhất viết về thời thuộc Ngô là *Tam Quốc Chí*, phần *Ngô Chí* của Trần Thọ (Trung Quốc). Tiếc thay, ghi chép của Trần Thọ về vấn đề này rất tản mạn và không rõ ràng, nên chúng tôi chưa thể nắm được dân số cụ thể của nước ta thời thuộc Ngô.

2 - Danh sách quan đô hộ thời thuộc Ngô

01 - Đới Lương

02 - Bộ Chất

03 - Lữ Đại

04 - Tiết Tông

05 - Lục Dận (tức Lục Doãn)	19 - Mao Quýnh
06 - Đặng Tuân	20 - Đổng Nguyên
07 - Lữ Hưng	21 - Soán Cốc
08 - Ngô Hưng	22 - Mạnh Cán
09 - Hoắc Dặc	23 - Đào Hoàng
10 - Mã Dung	24 - Ngô Ngạn
11 - Tôn Tư	25 - Cố Bí
12 - Trần Tập	26 - Cố Sâm
13 - Ngu Phiếm	27 - Cố Thọ
14 - Cốc Lãng	28 - Đào Oai
15 - Ky Vô Hậu	29 - Đào Thục
16 - Tu Tác (tức Dương Tác)	30 - Đào Tuy
17 - Lưu Tuấn	31 - Đào Khãn
18 - Hãn Tông	

Trong danh sách 31 người nói trên có hai dòng họ nối nhau làm quan đô hộ, đó là họ Cố và họ Đào. Danh nghĩa, họ là quan của nhà Ngô, nhưng thực chất, họ là những người đã âm thầm xây dựng cơ đồ cát cứ riêng.

V - THẾ THỨ CHÍNH QUYỀN ĐÔ HỘ CỦA PHONG KIẾN TRUNG QUỐC THỜI THUỘC TẤN

1 - Nhà Tấn thay nhà Ngô thống trị nước ta

Cuối thế kỉ thứ III, nhà Tấn thống nhất được Trung Quốc và thay nhà Ngô thống trị nước ta. Cũng như nhà Ngô, nhà Tấn gọi nước ta là Giao Châu.

Theo *Tấn thư*, đất Giao Châu thời thuộc Tấn có tất cả 25.600 hộ. *Tấn thư* chỉ ghi số hộ chứ không ghi số người, và theo chúng tôi, con số nói trên có lẽ còn nhỏ hơn nhiều so với số hộ thực tế.

Trên danh nghĩa, nhà Tấn thống trị nước ta từ năm 280 đến năm 420.

2 – Danh sách quan đô hộ của phong kiến Trung Quốc thời thuộc Tấn

- | | |
|-------------------|-------------------|
| 01 – Vương Đôn | 12 – Nguyễn Phu |
| 02 – Vương Cơ | 13 – Ôn Phóng Chi |
| 03 – Lương Thạc | 14 – Đỗ Bảo |
| 04 – Vương Lượng | 15 – Đằng Hàm |
| 05 – Biện Triền | 16 – Cát Hồng |
| 06 – Chủ Đào | 17 – Lý Tốn |
| 07 – Trương Liên | 18 – Phó Vĩnh |
| 08 – Nguyễn Phóng | 19 – Đỗ Viện |
| 09 – Hạ Hâu Lãm | 20 – Đỗ Tuệ Độ |
| 10 – Chu Phiên | 21 – Đỗ Hoàn Văn |
| 11 – Dương Bình | 22 – Đằng Tốn |

VI – THẾ THỨ CHÍNH QUYỀN ĐÔ HỘ CỦA PHONG KIẾN TRUNG QUỐC THỜI THUỘC NAM TRIỀU

1 – Nam Triều thay thế nhà Tấn thống trị nước ta

Đầu thế kỉ thứ V, Trung Quốc lại bị loạn lạc. Một cục diện bất cứ nguy hiểm mới đã xuất hiện, sử gọi đó là thời *Nam Bắc Triều*. Thời này, Nam Triều thống trị nước ta. Trên danh nghĩa, Nam Triều (gồm Tống, Tề, Lương và Trần) tồn tại từ năm 420 đến năm 589. Tuy nhiên, đó chỉ là danh nghĩa, và ở nước ta, quyền thống trị của Nam Triều đã bị xóa bỏ kể từ năm 542 bởi thắng lợi của cuộc khởi nghĩa do Lý Bôn lãnh đạo.

Các sách của Trung Quốc như *Tống thư*, *Nam Tề thư*... đều có chép về dân số nước ta thời thuộc Nam Triều, nhưng tài liệu tản mạn và không đầy đủ, bởi vậy, chúng tôi không giới thiệu ở đây.

2 – Danh sách quan đô hộ của Trung Quốc thời thuộc Nam Triều

- | | |
|----------------------|--------------|
| 01 – Vương Huy Chi | 04 – Lưu Mục |
| 02 – Lưu Nghĩa Khang | 05 – Lưu Bột |

- | | |
|----------------------|---------------------|
| 03 - Nguyễn Di Chi | 06 - Lý Trường Nhân |
| 07 - Lý Thúc Hiến | 17 - Lý Tắc |
| 08 - Thẩm Hoán | 18 - Vương Nhiếp |
| 09 - Nguyễn Phiên | 19 - Tiêu Tư |
| 10 - Trương Mục Chi | 20 - Dương Phiêu |
| 11 - Đàm Hòa Chi | 21 - Trần Bá Tiên |
| 12 - Hoàn Hoàng | 22 - Lưu Phương |
| 13 - Phòng Pháp Thừa | 23 - Âu Dương Hột |
| 14 - Phục Đăng Chi | 24 - Dương Tấn |
| 15 - Lưu Khải | 25 - Dương Hưu Phố |
| 16 - Lý Nguyên Khải | |

VII - THỂ THỨ CHÍNH QUYỀN ĐÔ HỘ CỦA PHONG KIẾN TRUNG QUỐC THỜI THUỘC TÙY VÀ ĐƯỜNG

1 - Vài nét về đất nước thời thuộc Tùy và Đường

Năm 589, nhà Tùy thống nhất được Trung Quốc, chấm dứt thời kì hỗn chiến Nam Bắc Triều. Mười ba năm sau (năm 602), nhà Tùy cho quân sang xâm lược nước ta. Cuộc kháng chiến chống quân Tùy do Lý Phật Tử lãnh đạo nhanh chóng bị thất bại. Nhà Tùy thống trị nước ta kể từ đó. Theo thống kê của *Tùy thư*, dân số nước ta thời thuộc Tùy (từ năm 602 đến năm 618) như sau :

- Quận Giao Chỉ	:	30.056 hộ.
- Quận Cửu Chân	:	16.135 hộ.
- Quận Nhật Nam	:	9.915 hộ.
Cộng		56.106 hộ.

Từ con số trên, chúng ta có thể ước tính rằng dân số nước ta thời thuộc Tùy khoảng gần hai triệu rưỡi. Cũng có thể, đó là con số còn ít hơn thực tế.

Năm 618, nhà Đường lật đổ nhà Tùy, thay nhà Tùy thống trị cả Trung Quốc và nước ta. Năm 678, nhà Đường lập ra An Nam đô hộ phủ. Sử Trung Quốc quen gọi ta là An Nam kể từ đó. Thời Đường,

nước ta có 12 châu ở vùng đồng bằng và trung du, 41 châu ki mi (châu rừng buộc lỏng lẻo) ở vùng rừng núi. *Đường thư* có nói đến dân số của nước ta nhưng tư liệu vừa tản mạn, vừa không nhất quán nên chúng tôi không giới thiệu ở đây.

Nhà Đường thống trị nước ta từ năm 618 đến năm 905.

2 - Danh sách quan lại đô hộ của Trung Quốc thời thuộc Tùy và Đường

- | | |
|------------------------|----------------------|
| 01 - Lý (không rõ tên) | 28 - Phụ Lương Giao |
| 02 - Khâu Hòa | 29 - Cao Chính Bình |
| 03 - Lý Đại Lượng | 30 - Trương Ứng |
| 04 - Lý Thọ | 31 - Triệu Xương |
| 05 - Lư Tổ Thượng | 32 - Bùi Thái |
| 06 - Lý Đạo Hưng | 33 - Trương Châu |
| 07 - Lý Đạo Ngạn | 34 - Mã Tổng |
| 08 - Lý Giám | 35 - Triệu Quân |
| 09 - Liễu Sở Hiền | 36 - Lý Tượng Cổ |
| 10 - Đỗ Chính Luận | 37 - Lý Nguyên Hỷ |
| 11 - Đậu Đức Minh | 38 - Lý Nguyên Gia |
| 12 - Ninh Đạt | 39 - Quế Trọng Vũ |
| 13 - Chử Toại Lương | 40 - Bùi Hành Lập |
| 14 - Sài Triết Uy | 41 - Lý Nguyên Thiện |
| 15 - Lang Dư Khánh | 42 - Hàn Ước |
| 16 - Lưu Diên Hựu | 43 - Mã Thực |
| 17 - Khúc Lãm | 44 - Vũ Hồn |
| 18 - Trương Thuận | 45 - Bùi Nguyên Hựu |
| 19 - Trương Bá Nghi | 46 - Điền Tảo |
| 20 - Lưu Hựu | 47 - Vương Thúc |
| 21 - Quang Sở Khách | 48 - Thôi Cảnh |
| 22 - Tống Chi Đễ | 49 - Điền Tài Hựu |
| 23 - Đỗ Minh Cử | 50 - Chu Nhai |
| 24 - Hà Lý Quang | 51 - Lý Trác |
| 25 - Trương Khiêm | 52 - Lý Hộ |

- | | |
|------------------|---------------------|
| 26 - Khang Khiêm | 53 - Vương Khoan |
| 27 - Triều Hoàn | 54 - Sái Tập |
| 55 - Sái Kinh | 60 - Trương Nhân |
| 56 - Tống Nhung | 61 - Kính Ngạn Tông |
| 57 - Cao Biên | 62 - Thôi Lập Tín |
| 58 - Cao Tâm | 63 - Chu Toàn Dục |
| 59 - Tăng Cồn | 64 - Độc Cô Tồn |

Trong danh sách kê trên có Triều Hoàn là người Nhật Bản.

VIII - THỂ THỨ CÁC CHÍNH QUYỀN TỰ CHỦ ĐƯỢC THÀNH LẬP TRONG CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA CHỐNG BẮC THUỘC.

Từ năm 179 trước công nguyên đến năm 905 sau công nguyên, trong số những dòng phát triển khác nhau của lịch sử, có hai dòng đối nghịch, luôn luôn diễn ra một cách quyết liệt trên đất nước ta, đó là Bắc thuộc và chống Bắc thuộc. Dòng Bắc thuộc được thể hiện rõ nét nhất qua việc thiết lập và không ngừng củng cố hệ thống chính quyền đô hộ ngoại bang. Ngược lại, dòng chống Bắc thuộc được thể hiện tập trung nhất qua hàng loạt những cuộc công phá chính quyền đô hộ ngoại bang, nhằm thiết lập hệ thống chính quyền độc lập và tự chủ. Sau hơn một ngàn năm đối đầu không khoan nhượng, cuối cùng, dòng thứ hai - dòng chống Bắc thuộc - đã thắng.

Thắng lợi của dòng thứ hai là thắng lợi của cả một quá trình lâu dài và gian khổ. Trong suốt quá trình đó, không ít các hệ thống chính quyền với những quy mô và tính chất khác nhau đã được lập ra. Gọi đó là *Triều vua* (gồm nhà vua và những thiết chế chính trị do vua lập ra) theo đúng nghĩa của từ này, thì hẳn nhiên là còn có những điều cần phải cân nhắc, nhưng rõ ràng, tất cả những hệ thống chính quyền ấy đều là thành tựu tuyệt vời của cuộc chiến đấu một mất một còn, đều thực sự là tinh hoa của ý chí độc lập và tự chủ của dân tộc ta. Xuất phát từ nhận thức ấy, chúng tôi trân trọng giới thiệu một số chính quyền tiêu biểu nhất (dẫu người đứng đầu chưa

xưng tước hiệu gì rõ ràng) được thành lập trong hoặc sau những cuộc khởi nghĩa chống Bắc thuộc.

1 – Chính quyền Trưng Nữ Vương (40–43).

– Húy là Trưng Trắc, con gái của Lạc tướng Mê Linh. (Đất Mê Linh nay thuộc vùng giáp giới giữa Hà Tây với Vĩnh Phú và ngoại thành Hà Nội).

– Thân sinh mất sớm, Trưng Trắc và em gái là Trưng Nhị được thân mẫu là bà Man Thiện (cũng có truyền thuyết nói là bà Trần Thị Đoan) nuôi dưỡng.

– Hiện chưa rõ Trưng Trắc sinh năm nào, chỉ biết khi Tô Định được nhà Đông Hán sai sang làm Thái Thú ở Giao Chỉ (năm 34), thì Trưng Trắc đã trưởng thành và kết hôn với con trai của Lạc tướng Chu Diên là Thi Sách. (Đất Chu Diên nay là vùng giáp giới giữa Hà Tây với Nam Hà).

– Bấy giờ, nhân lòng căm phẫn của nhân dân ta đối với chính sách thống trị tàn bạo của nhà Đông Hán, lại cũng nhân vì Thi Sách bị Thái Thú Tô Định giết hại, Trưng Trắc đã cùng em là Trưng Nhị và nhiều bậc hào kiệt khác, phát động và lãnh đạo cuộc khởi nghĩa có quy mô rất lớn.

– Khởi nghĩa bùng nổ vào cuối năm 39 đầu năm 40 và nhanh chóng được nhân dân cả nước nhất tề hưởng ứng. Tô Định phải hốt hoảng bỏ chạy về nước.

– Khi quân đô hộ đã bị quét sạch khỏi bờ cõi, Hai Bà Trưng đã thành lập một hệ thống chính quyền độc lập và tự chủ, sử gọi đó là chính quyền Trưng Nữ Vương.

– Chính quyền Trưng Nữ Vương tồn tại được trong khoảng gần ba năm (từ đầu năm 40 đến cuối năm 42, đầu năm 43). Sử gia Lê Văn Hưu (1230 – 1322) viết : "Trưng Trắc, Trưng Nhị là đàn bà mà hô một tiếng cũng có thể khiến được các quận : Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố cùng 65 thành ở Lĩnh Ngoại hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay. Xem thế cũng đủ biết hình thế đất Việt có thể dựng được nghiệp bá vương".

– Nhà Đông Hán đã phải cử tên lão tướng khét tiếng tàn bạo và dày dạn kinh nghiệm trận mạc là Mã Viện sang đàn áp mới tiêu diệt được lực lượng và chính quyền của Hai Bà Trưng.

2 – Chính quyền của Bà Triệu (248)

– Bà Triệu (Triệu Thị Trinh) người đất Quan Yên (nay thuộc huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hóa), sinh năm nào chưa rõ, chỉ biết khi cùng anh là Triệu Quốc Đạt khởi xướng và lãnh đạo cuộc chiến đấu chống ách đô hộ của quân Đông Ngô (năm 248), Bà đã là một cô gái ở độ tuổi khoảng trên dưới hai mươi. Bấy giờ, nhiều người khuyên Bà nên lập gia đình, xây dựng hạnh phúc riêng, nhưng Bà đã khẳng khái trả lời : "Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp ngọn sóng dữ, chém cá tròng kình ở biển Đông, đánh đuổi quân Ngô, cởi ách nô lệ cho nhân dân chớ không chịu khom lưng làm tì thiếp người ta". Sau câu nói bừng bừng khẩu khí anh hùng đó, Bà đã quả cảm phát động khởi nghĩa.

– Quân Ngô sau nhiều phen thất bại, đã tìm đủ mọi thủ đoạn xảo quyệt, thậm chí đã dùng cả tước hiệu Lệ Hải Bà Vương để chiêu dụ Bà, nhưng ý chí của Bà trước sau vẫn không hề bị lung lạc.

– Cuối cùng, nhà Ngô đã phải sai viên tướng lừng danh là Lục Dận đem đại binh sang đàn áp. Bà Triệu cùng hàng loạt nghĩa binh đã anh dũng hi sinh vào năm 248.

– Về thực chất, bộ chỉ huy khởi nghĩa do Bà Triệu cầm đầu cũng là một guồng máy chính quyền. Bà Triệu chưa xưng đế hay xưng vương, cũng chưa đặt quốc hiệu hay niên hiệu, nhưng rõ ràng, guồng máy chính quyền sơ khai do Bà Triệu lập ra, hoàn toàn biệt lập và đối nghịch sâu sắc với chính quyền đô hộ của quân Ngô.

3 – Thế thứ chính quyền nhà Tiên Lý (542–602)

– Năm Nhâm Tuất (542), Lý Bí (còn có tên gọi khác là Lý Bôn) đã lãnh đạo nhân dân vùng dậy lật nhào ách đô hộ của nhà Lương (một triều đại của Nam Triều ở Trung Quốc thời Nam – Bắc

triều). Chỉ trong một thời gian rất ngắn, Lý Bí đã giành được thắng lợi và thiết lập một hệ thống chính quyền độc lập, tự chủ riêng.

- Nhiều bộ sử cũ vẫn gọi khoảng thời gian từ năm 542 đến năm 602 là thời Tiền Lý, dẫu thực tế không hoàn toàn như vậy. Xét rằng, các chính quyền khác xuất hiện trong khoảng thời gian nào, tuy không đúng là của nhà Tiền Lý nhưng lại được xây dựng trên cơ sở thắng lợi của nhà Tiền Lý, cho nên, chúng tôi cũng gộp chung mà gọi là thời Tiền Lý.

- Thời Tiền Lý có mấy hệ thống chính quyền sau đây :

a - Lý Nam Đế (542-548)

- Họ và tên : Lý Bí (còn có tên khác là Lý Bôn).

- Nguyên quán là đất Thái Bình (đất này nay thuộc vùng tiếp giáp giữa huyện Thạch Thất và thị xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tây).

- Hiện chưa rõ năm sinh.

- Năm 542, Lý Bí phát động khởi nghĩa và chỉ trong vòng ba tháng đã quét sạch quân Lương ra khỏi bờ cõi. Năm Giáp Tý (544), Lý Bí lên ngôi hoàng đế, xưng là Lý Nam Đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, niên hiệu là Đại Đức (cũng có thư tịch cổ chép là Thiên Đức).

- Liên tục trong hai năm (545 và 546), nhà Lương cho quân sang đàn áp. Sau trận thất bại ở hồ Điển Triệt (thuộc Vĩnh Phú ngày nay), Lý Nam Đế giao quyền binh lại cho Triệu Quang Phục rồi tạm lánh vào động Khuất Lão (thuộc Vĩnh Phú ngày nay) và mất ở đấy vào năm 548.

- Do chưa rõ năm sinh nên chưa rõ Lý Nam Đế thọ bao nhiêu tuổi.

b - Triệu Việt Vương (546-571)

- Họ và tên : Triệu Quang Phục.

- Nguyên quán : phủ Vĩnh Tường. Phủ này, nay là vùng giáp giới giữa Hà Tây với Vĩnh Phú.

– Khi Lý Bí phát động khởi nghĩa, Triệu Quang Phục và cha là Triệu Túc cùng hưởng ứng. Khi Lý Bí xưng là Lý Nam Đế, Triệu Quang Phục được phong tới chức Tả Tướng.

– Năm 546, sau thất bại trong trận đánh ở hồ Điển Triệt, Triệu Quang Phục được Lý Nam Đế ủy thác quyền trông coi nghĩa binh. Triệu Quang Phục đã đưa lực lượng về đầm Dạ Trạch (đầm này nay thuộc Châu Giang, Hải Hưng) và tổ chức chiến đấu tại đây.

– Năm 548, sau khi nghe tin Lý Bí đã qua đời, Triệu Quang Phục xưng là Triệu Việt Vương.

– Năm 557, Triệu Việt Vương đã đánh tan lực lượng đi càn quét của nhà Lương, giành lại quyền tự chủ cho đất nước, đồng thời, thành lập một guồng máy chính quyền độc lập do ông đứng đầu.

– Năm 571, do bị Lý Phật Tử tấn công bất ngờ, Triệu Việt Vương thua trận và bị giết.

– Do chưa rõ năm sinh nên chưa rõ Triệu Việt Vương thọ bao nhiêu tuổi.

c – Lý Phật Tử (555–602)

– Năm 546, khi thua trận ở Điển Triệt, lực lượng của Lý Nam Đế bị chia làm hai. Bộ phận thứ nhất do Triệu Quang Phục (người về sau xưng là Triệu Việt Vương) cầm đầu. Triệu Quang Phục là vị tướng được Lý Nam Đế tin cậy mà ủy thác mọi quyền binh. Bộ phận thứ hai do tướng Lý Phục Man cầm đầu. Lý Phục Man họ tên gì chưa rõ, ông vì có công chinh phục người man, được Lý Nam Đế yêu quý mà đặt tên là Phục Man, lại cho được lấy họ Lý, sử nhân đó gọi là Lý Phục Man. Ông người làng Yên Sở. Làng này nay thuộc huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây.

– Năm 555, Lý Phục Man mất, một vị tướng người cùng họ với Lý Nam Đế là Lý Phật Tử lên thay.

– Năm 557, khi Triệu Việt Vương đánh tan quân nhà Lương thì Lý Phật Tử cũng lập tức đem quân đánh Triệu Việt Vương để giành quyền binh.

– Sau nhiều trận không phân thắng bại, hai bên tạm lấy vùng đất tương ứng với huyện Từ Liêm (Hà Nội) ngày nay làm ranh giới. Từ đất này trở về Nam thì do Lý Phật Tử cai quản, trở ra Bắc thì do Triệu Việt Vương cai quản.

– Lý Phật Tử cho con trai là Nhã Lang kết hôn với con gái của Triệu Việt Vương là Cảo Nương, mượn danh nghĩa thông gia để làm cho Triệu Việt Vương mất cảnh giác.

– Năm 571, Lý Phật Tử bất ngờ cho quân đánh úp, khiến Triệu Việt Vương bị đại bại và bị giết. Lý Phật Tử thu tóm mọi quyền hành. Sử cũ gọi đó là nhà Hậu Lý Nam Đế.

– Năm 581, nhà Tùy được dựng lên. Sau một thời gian lo củng cố quyền thống trị ở Trung Quốc, năm 602, nhà Tùy liền dùng áp lực quân sự, khiến Lý Phật Tử phải đầu hàng. Không thấy sử cũ ghi chép gì về số phận của Lý Phật Tử sau khi đầu hàng.

– Chưa rõ năm sinh và năm mất nên chưa rõ Lý Phật Tử thọ bao nhiêu tuổi.

4 – Chính quyền Đinh Kiến (687)

– Từ năm 618 đến năm 905, đất nước ta bị nhà Đường đô hộ. Năm 679, nhà Đường lập ra An Nam Đô Hộ Phủ. Sử Trung Quốc bắt đầu gọi ta là An Nam kể từ đó.

– Năm 687, quan cai quản An Nam Đô Hộ Phủ của nhà Đường

vẫn chưa rõ quê quán) đã bí mật tổ chức một cuộc khởi nghĩa lớn. Nhưng, cơ mưu bị bại lộ, Lý Tự Tiên bị Lưu Diên Hựu giết chết.

– Tiếp nối sự nghiệp của Lý Tự Tiên, một vị hào trưởng cũng là một thuộc tướng của Lý Tự Tiên đã lãnh đạo nhân dân vùng dậy. Vị hào trưởng ấy là Đinh Kiến.

– Ngay trong năm 687, Đinh Kiến đã giết chết được Lưu Diên Hựu và chiếm được phủ đô hộ là thành Tống Bình (tức Hà Nội ngày nay), đồng thời, nhanh chóng thiết lập một hệ thống chính quyền do ông đứng đầu.

– Đinh Kiến chưa xưng đế hay xưng vương, cũng chưa đặt quốc hiệu hay niên hiệu, nhưng chính quyền do ông đứng đầu thực sự là chính quyền độc lập và tự chủ.

– Hiện vẫn chưa rõ quê quán cũng như năm sinh và năm mất của Đinh Kiến.

5 – Chính quyền Mai Hắc Đế (722)

– Họ và tên : Mai Thúc Loan (còn có tên khác là Mai Huyền Thành).

– Sinh quán : huyện Thiên Lộc (nay đất sinh quán của ông thuộc Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh). Sau, gia đình ông di cư về vùng Ngọc Trường (vùng này, nay thuộc huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An).

– Mai Thúc Loan sinh trưởng trong một gia đình nghèo, bản thân ông luôn bị quan lại nhà Đường bắt phải đi phu, phục dịch rất vất vả.

– Năm 722, ông phát động và lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa lớn. Cũng ngay năm này, Mai Thúc Loan đã cho xây dựng đại bản doanh tại Hùng Sơn (tục danh là Núi Đụn) và lập căn cứ dọc theo bờ sông Lam (Nghệ An). Đồng thời, để quy tụ lòng người, ông đã lên ngôi hoàng đế, xưng là Mai Hắc Đế (ông vua người họ Mai, da đen). Mai Hắc Đế đã lãnh đạo nghĩa quân, đánh cho quan đô hộ của nhà Đường lúc ấy là Quang Sở Khách phải hốt hoảng tháo chạy về nước.

– Nhà Đường đã phải huy động một lực lượng lớn mới đàn áp được Mai Hắc Đế và nghĩa sĩ của ông.

– Mai Hắc Đế mất năm 722, do chưa rõ năm sinh nên chưa rõ thọ bao nhiêu tuổi.

6 – Chính quyền họ Phùng (?–791)

a – Bố Cái Đại Vương (?–789)

– Họ và tên : Phùng Hưng, tự là Công Phấn.

– Nguyên quán : Đường Lâm, Phong Châu (đất này nay thuộc huyện Ba Vì – Hà Tây).

– Phùng Hưng sinh trưởng trong một gia đình đời đời làm quan lang của vùng Phong Châu.

– Bấy giờ, nhà Đường đô hộ nước ta. Quan đô hộ là Cao Chính Bình khét tiếng tham lam và tàn bạo, khiến cho nhân dân ta căm phẫn, đồng thời, binh lính của Cao Chính Bình cũng chống đối quyết liệt. Nhân cơ hội đó, Phùng Hưng phát động khởi nghĩa. Hiện chưa rõ khởi nghĩa bùng nổ vào năm nào. Các nhà nghiên cứu cho rằng, Phùng Hưng phát động khởi nghĩa trong khoảng từ năm 766 đến năm 779.

– Chỉ trong vòng một thời gian ngắn, Phùng Hưng đã chiếm được thành Tống Bình. Sau đó, ông tiến đánh các lực lượng còn lại của nhà Đường ở trên đất nước ta, đồng thời thiết lập một bộ máy chính quyền do ông đứng đầu.

– Khoảng 7 năm sau khi cầm đầu guồng máy chính quyền này, Phùng Hưng qua đời (năm 789).

– Sau khi mất, ông được truy tôn là Bố Cái Đại Vương. Do chưa rõ năm sinh nên chưa rõ ông thọ bao nhiêu tuổi.

b – Phùng An (789–791)

– Con của Bố Cái Đại Vương Phùng Hưng, không rõ sinh năm nào.

- Nổi nghiệp cha, cầm đầu gióng máy chính quyền độc lập và tự chủ kể từ năm 789.

- Năm 791, nhà Đường cử viên tướng nổi tiếng xảo quyết là Triệu Xương sang đàn áp. Phùng An đầu hàng. Sau, không rõ số phận của Phùng An ra sao.

7 - Chính quyền Dương Thanh (819-820)

- Dương Thanh là một vị hào trưởng của đất Hoan Châu (đất này nay thuộc Nghệ An) và cũng là người được nhà Đường cho làm Thứ Sử của châu này.

- Biết Dương Thanh là người giàu lòng yêu nước, quan đô hộ của nhà Đường là Lý Tượng Cổ đã dùng mưu kế để làm giảm uy tín của ông, đồng thời, tách ông ra khỏi dân châu Hoan.

- Năm 819, Dương Thanh đã phát động cuộc khởi nghĩa lớn, giết được Lý Tượng Cổ, đồng thời thiết lập được hệ thống chính quyền tự chủ do ông đứng đầu.

- Sau nhiều phen đàn áp nhưng bị thất bại, nhà Đường đã dùng kế li gián để chia rẽ lực lượng của Dương Thanh. Ông bị cô lập dần, để rồi cuối cùng, bị tru di tam tộc vào năm 820. Hiện chưa rõ năm sinh nên chưa rõ ông thọ bao nhiêu tuổi.

- Cũng như nhiều vị thủ lĩnh kiệt xuất khác, Dương Thanh không xưng đế hay xưng vương, chưa đặt quốc hiệu và niên hiệu, nhưng chính quyền do ông thiết lập ra thực sự là chính quyền độc lập và tự chủ.



Trên đây là những hệ thống chính quyền tiêu biểu nhất, được thành lập trong hoặc sau thắng lợi của các cuộc khởi nghĩa chống Bắc thuộc, gồm nhiều quy mô và tính chất khác nhau. Hàn nhiên, đó chưa phải là tất cả, nhưng, dẫu nhìn từ bất cứ góc độ nào thì đó cũng thực sự là tinh hoa của lịch sử chống xâm lăng thời Bắc thuộc.